

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2017/DSST
Ngày 22/9/2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sâm
- Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Võ Kế An
Ông Huỳnh Khắc Chung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị T Lan-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc “tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Minh H, sinh năm 1993; Địa chỉ: số A, ấp B, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Anh Lương Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

(Chị H xin giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Minh H trình bày: Năm 2014 chị với anh Lương Nguyễn Thanh T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn; nguyên nhân chị xin ly hôn là do không hợp tính tình nên chỉ sống chung được 01 năm thì ly thân. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: không có

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lương Nguyễn Thanh T sau khi Tòa án thụ lý và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử quyết định hoãn phiên tòa về việc chị H xin ly hôn nhưng anh đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Chị Võ Thị Minh H có đơn xin giải vắng mặt tại phiên tòa theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự nên được chấp nhận. Đối với anh Lương Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử theo thủ tục vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2014, có đăng ký kết hôn theo qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình tại giấy chứng nhận kết hôn số 98/2014 ngày 03/11/2014 do cấp. Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nguyên nhân chị xin ly hôn là do tính tình không hợp nên phát sinh mâu thuẫn. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Đối với anh T sau khi Tòa án thụ lý và đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử... nhưng anh cũng không có ý kiến gì phản đối với yêu cầu của chị H xin ly hôn anh và cũng không có nguyện vọng được hàn gắn, đoàn tụ; điều đó cho thấy, tình cảm vợ chồng đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng, do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với qui định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H khai không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét .

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo Chị H và anh T được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Xử:

1- Cho chị Võ Thị Minh H được ly hôn với anh Lương Nguyễn Thanh T.

2- Con chung: Chị H khai không có, không yêu cầu giải quyết.

3- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4- Về án phí: Chị Võ Thị Minh H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 14523 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như thi hành xong phần án phí.

5- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày kể từ tổng đạt hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sâm

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TỈNH TIỀN GIANG

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 22 tháng 9 năm 2017

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sâm.

- Các Hội thẩm nhân dân .

1. Ông Võ Kế An

2. Ông Huỳnh Khắc Chung

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số 231/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc “ tranh chấp xin ly hôn” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Minh H, sinh năm 1993; Địa chỉ: số A, ấp B, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Anh Lương Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

(Chị H xin giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt không lý do)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TLUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH

CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng: khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Xử:

1- Cho chị Võ Thị Minh H được ly hôn với anh Lương Nguyễn Thanh T.

2- Con chung: Chị H khai không có, không yêu cầu giải quyết.

3- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4- Về án phí: Chị Võ Thị Minh H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 14523 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như thi hành xong phần án phí.

5- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày kể từ tổng đạt hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 22 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên

Chủ tọa phiên Tòa

Hội đồng xét xử